

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2019

V/v Ly hôn giữa Anh T và
chị K.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Quỳ

2. Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Anh T, sinh năm 1974; Trú tại: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm K, sinh năm 1977; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 1997, do mai mối, tìm hiểu anh và chị Nguyễn Thị Diễm K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 23/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tình cảm hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau nên chị K bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với chị K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 09/4/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm K trình bày: Chị K thống nhất lời trình bày của anh Lê Anh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, thời gian sống ly thân. Qua yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Anh T thì chị K đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị Diễm K.

Về nuôi con chung: Cháu Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T và chị K xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Nghĩa vụ chung: Anh T và chị K xác định không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc tham gia tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của Anh T và chị K được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định xác định là hôn nhân

hợp pháp. Vợ chồng thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau. Anh T xác định thời gian sống ly thân trong thời gian dài nhưng vợ chồng không quan tâm lẫn nhau. Anh T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị K vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, Anh T cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị K, chị K vắng mặt. Tại Biên bản lấy lời khai chị K có ý kiến là thống nhất ly hôn theo yêu cầu của Anh T. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 28/01/2019 xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cự cãi nhau. Từ đó, chị K bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh T và chị K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, Anh T xin ly hôn với chị K là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 09/4/1999 hiện cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh T và chị K xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ chung: Anh T và chị K xác định không có.

[3] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa anh Lê Anh T và anh Nguyễn Thị Diễm K là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị Diễm K.

2. Về nuôi con chung: Cháu Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung: Anh T và chị K xác định không có nên không xem xét giải quyết.

4. Nghĩa vụ chung: Anh T và chị K xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Anh T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 001263 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ. Công nhận Anh T đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng